

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 11 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út - là thư ký Tòa án

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 856/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 859/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, đường B, khóm D, phường Đ, Tp C, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Anh Võ Đức T, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đường B, khóm D, phường Đ, Tp C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, chị và anh T kết hôn với nhau vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Tp C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã khoảng 09 năm nay, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, hay cự cãi với nhau, anh T đi làm nhưng không mang tiền về để chăm lo cho gia đình, mặc dù đã cố gắng hàn gắn để chung sống nhưng không có kết quả. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên là Võ Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 24/12/2000 và Võ Nguyễn Bảo Th, sinh ngày 23/11/2004, hiện nay các con đang sống chung với vợ chồng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả

hai con, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, chị xác định không có.

Về nợ chung, chị xác định không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 08/11/2017 của bị đơn là anh Võ Đức T trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Anh và chị M chung sống với nhau vào năm 1999, đến năm 2000 thì đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân Phường Đ, Tp C tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống có xảy ra cự cãi với chị M. Nay chị M yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung, có 02 con chung tên là Võ Nguyễn Bảo Tr, sinh năm 2000 và Võ Nguyễn Bảo Th, sinh năm 2004. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị M được trực tiếp nuôi cả hai con, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Do bận công việc nên anh xin vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Võ Đức T có yêu cầu vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại các Điều 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân, chị M và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Đ, Tp C vào năm 2000 theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị M xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy, trong quá trình chung sống, giữa chị M và anh T có mâu thuẫn với nhau cho nên việc chị M và anh T tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, có 02 con chung tên là Võ Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 24/12/2000 và Võ Nguyễn Bảo Th, sinh ngày 23/11/2004, hiện nay các con đang sống chung với anh T và chị M. Khi ly hôn, chị M và anh T đều thống nhất giao cả hai con cho chị M nuôi, anh T cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung, chị M và anh T đều xác định không có.

[5] Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 207, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị M và anh Võ Đức T thuận tình ly hôn với nhau.

2/ Về con chung: Buộc anh Võ Đức T tiếp tục giao hai con chung tên là Võ Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 24/12/2000 và Võ Nguyễn Bảo Th, sinh ngày 23/11/2004, hiện nay các con đang sống chung với anh T và chị M, cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án, anh T phải thanh toán xong khoản tiền cấp dưỡng hàng tháng nêu trên, nếu không thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị M phải chịu. Chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0003886 vào ngày 01/11/2017, được đối trừ, chị M đã nộp đủ.

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp C;
- UBND Phường Đ, Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Kim Oanh

